

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52 /2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-03-2026.

“ V/v không công nhận vợ chồng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trịnh Hồng Hà.

+ Bà Lê Thị Hoàng Diễm..

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 530/2025/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “ Yêu cầu tuyên bố không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2026/QĐST- HNGĐ ngày 04/3/2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Minh H, sinh ngày 20/10/1971; CCCD số 080 071 001143; do Cục trưởng Cục CQQLHC về TTXH cấp ngày 06/04/2021 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: số A, Ô, khu A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã H, tỉnh Tây Ninh).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Á, sinh ngày 01/02/1967; CCCD số 083167015209, do Cục trưởng Cục CQQLHC về TTXH cấp ngày 20/12/2021. (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng đề ngày 08/12/2025 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Minh H trình bày:

Ông cùng bà Nguyễn Thị Á do mai mối nên hai bên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn và cho đến ngày nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Nguyễn Thị Á thường xuyên lên xuống Bến Tre và Long A đã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên bất hoà, mâu thuẫn xảy ra ngày càng nghiêm trọng nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2024 cho tới nay. Nay ông Lê Minh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á theo quy định.

Về con chung: Quá trình sống chung, ông, bà có 01 con chung tên Lê Hoàng D, sinh ngày 04/03/1999, hiện con chung đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông Lê Minh H khai không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Á đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Văn bản tố tụng của Toà án nhưng bà Nguyễn Thị Á không tới Toà án, nên không thu thập lời khai của bị đơn Nguyễn Thị Á.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa, hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm: thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng... Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Hoàng cung C chứng cứ là bản chính giấy khai sinh của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác nhận tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà Á để làm rõ nội dung vụ án. Chứng cứ nguyên đơn giao nộp và chứng cứ

tòa án thu thập điều hợp pháp và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.
Nhận thấy:

Ông H và bà Á tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên không được xem là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống những năm đầu ông bà sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất hòa, bà Á không chịu về quê ông sinh sống. Năm 2024 ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, nên ông yêu cầu TAND Khu vực 5 giải quyết không công nhận ông và bà Nguyễn Thị Á là vợ chồng, là phù hợp quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 “Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Do đó, căn cứ quy định trên ông H yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà Á là vợ chồng là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Hoàng D- SN 04/3/1999 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Viện KSND Khu vực E – Vĩnh Long, đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điều 28, 35, 39 BLTTDS; Điều 11, 87 của Luật HN&GD năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc Hội ngày 09/6/2000; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Tuyên bố không công nhận ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á là vợ chồng.

- Con chung: đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Án phí ông H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, ông H đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông Lê Minh H khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh . Bà Nguyễn Thị Á có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 3

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Lê Minh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 26/01/2026 (bút lục số 25). nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà Nguyễn Thị Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

** Về nội dung:*

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Xét chứng cứ Tòa án thu thập gồm: Xác nhận của Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Vĩnh Long ngày 13/01/2026 về việc bà Nguyễn Thị Á và ông Lê Minh H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Vĩnh Long từ năm 1999 cho tới nay. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã H, tỉnh Tây Ninh ngày 22/12/2025, đã xác nhận “ ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á chung sống như vợ chồng từ năm 1999 tới nay có 01 con chung tên Lê Hoàng D sinh năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn”.

Nhận thấy, ông Lê Minh H cùng bà Nguyễn Thị Á chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1999 đến nay, ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á.

[3] *Về con chung:* Ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á trong quá trình sống chung có 01 con chung tên Lê Hoàng D, sinh ngày 04/3/1999. Hiện nay, con chung đã trưởng thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Hai bên khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] *Về nợ chung:* Ông Lê Minh H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 hướng dẫn Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố “ Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á”.

2. Về con chung: Quá trình sống chung, ông Lê Minh H và bà Nguyễn Thị Á có 01 con chung tên Lê Hoàng D, sinh ngày 04/3/199 nay đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Minh H khai không có.

4. Về nợ chung: Ông Lê Minh H khai không có.

5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Lê Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011923 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy, án phí ông Lê Minh H đã nộp đủ.

Ông Lê Minh H, bà Nguyễn Thị Á vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 5- Vĩnh Long;
- Phòng T.H.A dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Loan

